

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2023

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
giữa chị Th với anh Tr”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giáp Hồng Thanh;

Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986. (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức Tr kết hôn ngày 28/12/2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh Tr làm dâu luôn. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Tr đã mắc tệ nạn xã hội, khi đó chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Tr.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 03 con chung

là Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/10/2007, Nguyễn Đức S, sinh ngày 27/02/2010, Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 25/02/2012. Hiện con D đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, còn con S, con Đ đang ở với bố và bà nội. Ly hôn, chị xác định không đủ điều kiện để nuôi con nên chị đề anh Tr nuôi con chị có trách nhiệm gửi tiền cho mẹ chồng để phụ giúp nuôi các con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức Tr thông qua chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh Tr. Qua các biên bản làm việc với Trưởng thôn và bà H (là mẹ anh Tr) xác định đã giao lại toàn bộ các văn bản của Tòa án cho anh Tr nhưng anh Tr không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, anh Tr vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, xử:

Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đức Tr.

Con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức Tr trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/10/2007, Nguyễn Đức S, sinh ngày 27/02/2010, Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 25/02/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Th vắng mặt, nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt

nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Đức Tr ngày 28/12/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh Tr đã mắc tệ nạn xã hội, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh Tr. Qua xác minh với đại diện gia đình anh Tr và đoàn thể nơi anh Tr cư trú đều xác nhận vợ chồng chị Th, anh Tr có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị Th được ly hôn với anh Tr.

[3]. Về con chung: Chị Th, anh Tr có 03 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/10/2007, Nguyễn Đức S, sinh ngày 27/02/2010, Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 25/02/2012. Hiện cháu D đang phải chấp hành án, còn cháu S, cháu Đ đang ở cùng bố và bà nội kể từ khi vợ chồng ly thân (năm 2016) cho đến nay. Nay chị Th xác định không có nhà ở và đang đi làm ăn xa nên không đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, chị đề anh Tr nuôi con, chị có trách nhiệm gửi tiền về để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có lời khai về con chung. Qua xác minh tại địa phương thì thấy kể từ khi vợ chồng ly thân thì các con được anh Tr cùng bà nội nuôi dưỡng các cháu phát triển tốt. Mặt khác, các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th xác định có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, còn anh Tr không có lời khai về yêu cầu cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án, nếu sau này anh Tr có yêu cầu cấp dưỡng thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đức Tr.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức Tr trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/10/2007, Nguyễn Đức S, sinh ngày 27/02/2010, Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 25/02/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004895 ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy